

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-PT
Ngày: 10-4-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:** Ông Đỗ Thành Đạt - K sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2025/QĐPT ngày 28/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2025/QĐ-PT ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Lê Thị Đào N. Địa chỉ: Bản H 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị S. Địa chỉ: Số nhà 237, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị S: Ông Nguyễn Xuân K - Luật sư, Trưởng chi nhánh Văn phòng Luật sư Bảo Châu và cộng sự tại Điện Biên; Địa chỉ: Số nhà 64, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên

* **Bị đơn:** Công ty cổ phần thương mại du lịch và dịch vụ tổng hợp Điện Biên; Địa chỉ trụ sở: Số nhà 898, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoài N, Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Như Thái D - Luật sư, Trưởng Văn phòng luật sư Thái D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 16, khu nhà ở cán bộ Học viện Tư pháp, ngõ 25A, đường L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Đào Thị S. Địa chỉ: Số nhà 237, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện.

- Ông Ngô Đức A. Địa chỉ: số nhà 130, tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Bùi Thị H. Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

- Bà Phạm Thị Thu H. Địa chỉ: số nhà 229, tổ dân phố 04, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Lê Thị Mai P. Địa chỉ: số nhà 63B, tổ dân phố 04, phường B, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

(Bà S, ông K, ông N, ông D, ông A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trước đây bà Đào Thị S công tác tại Công ty TMDL DV TH ĐB(*sau đây gọi tắt là Công ty*). Sau khi nghỉ hưu, do Công ty có nhu cầu huy động vốn từ các cá nhân, là nhân viên cũ của Công ty nên bà S đã cho Công ty vay tiền, nhưng đứng tên cháu ngoại là Dương Thảo N mục đích là tiết kiệm cho cháu N. Hợp đồng vay tiền ghi bên cho vay là cháu N nhưng thực chất bà S là người ký kết hợp đồng, giao tiền cho Công ty. Số tiền ban đầu bà cho Công ty vay là 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận tiền lãi là 0,6%/tháng theo Hợp đồng vay tiền số 22 ngày 07/6/2016 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng vay tiền số 22*). Năm 2018 do cần tiền nên Công ty đã trả cho bà S 50 triệu đồng. Sau đó, theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty, bà H - Kế toán trưởng nói phải lập lại Hợp đồng vay mới để bàn giao và phục vụ việc K toán của Công ty, thực tế có lập phiếu chi nhưng không chi tiền, bà S chỉ thừa nhận mới được Công ty trả số tiền 50 triệu đồng. Bà S đã nhiều lần đòi lại số tiền Công ty còn nợ nhưng Công ty không trả. Bà S đã đến Công ty và được phòng kế toán (bà H) đưa cho Bảng kê tính lãi đến hết tháng 6/2023, chốt lại số tiền còn nợ là 424.158.756 đồng.

Vì vậy nguyên đơn khởi kiện: Yêu cầu Công ty phải trả cho cháu Dương Thảo N số tiền còn nợ là 424.158.756 đồng, tiền lãi của số tiền này theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận (0,6%/tháng) tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày nộp đơn khởi kiện là 6 tháng. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính Công ty phải trả là 439.428.471 đồng và yêu cầu Công ty tiếp tục phải chịu lãi suất 0,6%/tháng đối với số tiền chậm trả.

Tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử (16 tháng 28 ngày) là 43.094.530 đồng. Tổng số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là: 424.158.756 đồng + 43.094.530 đồng = 467.253.286 đồng, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 50 triệu đồng Công ty đã trả.

Bị đơn Công ty TMDL DV TH ĐB trình bày:

Công ty TMDL DV TH ĐB tiền thân là Công ty Thương nghiệp tổng hợp Điện Biên được hình thành trên cơ sở là công ty vốn Nhà nước. Đến năm 2015 thì hoàn thành việc cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty TMDL DV TH ĐB. Do là công ty cổ phần nên khi thực hiện phương án kinh doanh Công ty sẽ tiến hành họp Hội đồng quản trị hoặc họp ban lãnh đạo Công ty để đưa ra chủ trương và phương án kinh doanh. Việc này được thực hiện trên tinh thần biểu quyết số đông theo Luật doanh nghiệp và phải thể hiện bằng văn bản. Tuy nhiên, hiện nay Công ty không có tài liệu, văn bản nào thể hiện chủ trương tiến hành thực hiện vay, huy động tài sản (tiền) của cá nhân. Hiện Công ty có lưu giữ 01 tài liệu có liên quan đến việc vay mượn giữa Công ty và cháu Dương Thảo N. Đó là Hợp đồng vay tiền số 22 có nội dung: Người cho vay là cháu Dương Thảo N. Địa chỉ: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Bên A), bên vay là Công ty. Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện là ông Ngô Đức A (Bên B). Tại phần Đại diện bên A ký tên có chữ ký “KT S” với số tiền cho vay là 300.000.000 đồng kèm phiếu thu cùng ngày. Tuy nhiên tại phiếu chi ngày 30/11/2017 thể hiện Công ty đã chi trả số tiền 333.707.950 đồng cho người nhận tiền Dương Thảo N (người nhận tiền KT S) và tại Phiếu chi ngày 10/01/2018 Công ty đã chi trả số tiền 50 triệu đồng cho Dương Thảo N (người nhận tiền KT Đào Thị S), như vậy Công ty đã trả thừa số tiền so với Hợp đồng là 50 triệu đồng. Tuy nhiên Công ty không có yêu cầu phản tố đối với số tiền này. Quan điểm của Công ty, việc vay trả tiền giữa các bên là đã thực hiện xong, không còn có việc vay mượn giữa N hay bà S với Công ty, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bổ sung thêm ý kiến: Do thời điểm mới nhận bàn giao năm 2017 Công ty chưa K soát được dòng tiền và do tin tưởng kế toán nên Công ty mới chi cho bà S số tiền 50 triệu đồng. Sau khi K soát lại các hợp đồng vay tiền thấy rằng hợp đồng rất sơ sài nên sau thời điểm 2018 không thanh toán cho bà S bất kỳ khoản tiền nào nữa. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận tại Công ty có lưu Hợp đồng vay

tiền số 22 nhưng không có bản gốc mà chỉ là bản do kế toán chụp lại. Do đó cho đến nay Công ty không thừa nhận các hợp đồng vay tiền với bà S hay Dương Thảo N vì không có hợp đồng gốc, không có căn cứ Công ty đã vay tiền của Dương Thảo N. Căn cứ khoản 4, 5 Điều 189, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị xác định lại tư cách tố tụng của người khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đào N.

Buộc Công ty TMDL DV TH ĐB có nghĩa vụ trả cho cháu Dương Thảo N (thông qua người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Đào N cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên) tổng số tiền tính đến ngày 28/11/2024 là 467.253.286 (bốn trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, hai trăm tám mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 29/11/2024 Công ty TMDL DV TH ĐB tiếp tục phải trả cho cháu Dương Thảo N số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là 0,6%/tháng cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

- Công ty TMDL DV TH ĐB phải chịu 22.690.131 (hai mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, một trăm ba mươi một) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho bà Lê Thị Đào N số tiền 10.789.000 (mười triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000929 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 02/12/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty TMDL DV TH ĐB gửi qua dịch vụ bưu chính. Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xác định

sai tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn; nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

1. Về tố tụng: Đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Điện Biên nhận xét quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là đúng thời hạn và có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Nội dung đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm là có cơ sở để chấp nhận, vì:

Hợp đồng vay tiền giữa cháu Dương Thảo N và bị đơn là hợp đồng giả tạo, nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác là giao dịch cho vay giữa bà Đào Thị S và Công ty do đó theo quy định tại Điều 124 Bộ Luật dân sự thì Hợp đồng vay tiền giữa cháu N và Công ty bị vô hiệu, còn giao dịch dân sự giữa bà S và Công ty vẫn có hiệu lực. Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà S theo giao dịch cho vay giữa bà S và Công ty; việc Tòa án tuyên buộc Công ty phải trả tiền cho cháu N là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, vì cháu N không có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm trong vụ án này, nên việc mẹ của cháu N (là người đại diện theo pháp luật của cháu N) khởi kiện đòi tiền Công ty là không đúng quy định của pháp luật, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự thì cháu N (và người đại diện hợp pháp của cháu) không có quyền khởi kiện trong vụ án này, người có quyền khởi kiện là bà Đào Thị S. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Lê Thị Đào N (mẹ đẻ của cháu N) là Nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những lý do trên, xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ có vi phạm nghiêm trọng cả về thủ tục tố tụng lẫn nội dung giải quyết vụ án; vì vậy, căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm nói trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí kèm theo: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện đòi tiền khoản tiền cho Công ty TMDL DV TH ĐB vay, bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2]. Xét thủ tục kháng cáo: Ngày 28/11/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đ tuyên án, ngày 02/12/2024, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày 17/12/2024 bị đơn nộp biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn; nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

3.1. Xét kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn

Trên cơ sở xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm đều thể hiện trước đây bà Đào Thị S công tác tại Công ty sau khi nghỉ hưu do Công ty có nhu cầu huy động vốn từ các cá nhân là nhân viên cũ của Công ty để hoạt động kinh doanh nên bà S đã lấy tiền của gia đình cho Công ty vay và đứng tên cháu ngoại là Dương Thảo N. Hợp đồng vay tiền ghi bên cho vay là cháu N nhưng thực chất bà S là người ký kết hợp đồng, giao tiền cho Công ty, bà và Công ty thỏa thuận tiền lãi là 0,6%/tháng. Năm 2018, Công ty đã trả cho bà S 50 triệu đồng, số tiền này bà S là người trực tiếp nhận và hiện đang quản lý chưa giao cho cháu N. Trong suốt quá trình thực hiện giao dịch với Công ty từ năm 2016 đến trước khi khởi kiện 04/01/2024 bà S là người trực tiếp ký các hợp đồng vay tiền, chứng từ thu, chi không ủy quyền cho ai khác và cũng không có văn bản nào thể hiện ý chí của ông Dương Mạnh Hào, bà Lê Thị Đào N (bố mẹ cháu N) ủy quyền cho bà S thực hiện các giao dịch liên quan đến số tiền cho Công ty vay. Đến ngày 30/12/2023 bà S mới làm văn bản thỏa thuận cho cháu N khoản tiền gốc và lãi của Hợp đồng vay tiền số 22 ngày 07/6/2016 đến hết tháng 6/2023 là: 424.158.756 đồng, văn bản thỏa thuận có chữ ký của bà S, bố, mẹ của cháu N và cháu N nhưng không có ý kiến của ông Trần Khắc N (chồng bà S) là trái quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đưa ông N vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông N. Tại cấp phúc thẩm bà S thừa nhận khoản tiền cho Công ty vay là khoản tiền của vợ chồng bà cho Công ty

vay và sau này sẽ cho cháu N, thực tế là chưa cho nên phải xác định khoản tiền cho Công ty vay là của bà S và ông Nghiêm nên cần xác định bà S là nguyên đơn trong vụ án này đồng thời ông Trần Khắc N chồng bà S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới đúng bản chất của vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trần Khắc N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xác định bà Lê Thị Đào N (mẹ của cháu Dương Thảo N) là nguyên đơn là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Bị đơn kháng cáo nội dung này là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Xét kháng cáo về việc nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận các bên có lưu trữ hợp đồng vay tiền số 22 ngày 07/6/2016, nội dung hợp đồng thể hiện: Người cho vay là Dương Thảo N. Địa chỉ: P. T, TP ĐBP (Bên A), Bên vay (Bên B) là Công ty. Người đại diện là ông Ngô Đức A - chức vụ Giám đốc. Tại phần Đại diện bên A ký tên có chữ ký “KT S”, Đại diện bên B: có chữ ký của ông Ngô Đức A và đóng dấu của Công ty, với số tiền cho vay là 300 triệu đồng (BL 126). Tại phiếu thu cùng ngày thể hiện Công ty đã thu số tiền này của Dương Thảo N (BL 125). Do vậy có căn cứ để khẳng định ngày 07/6/2016 bà S có cho Công ty vay số tiền 300 triệu đồng. Tuy nhiên Công ty cho rằng đã tất toán khoản vay này cho bà S theo phiếu chi ngày 30/11/2017 thể hiện Công ty đã chi trả số tiền 333.707.950 đồng cho người nhận tiền Dương Thảo N (người nhận tiền KT S) và tại phiếu chi ngày 10/01/2018 Công ty đã chi trả số tiền 50.000.000 đồng cho người nhận tiền Dương Thảo N (người nhận tiền KT Đào Thị S), như vậy Công ty đã trả thừa số tiền so với Hợp đồng là 50.000.000 đồng vì vậy bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn cho rằng đã tất toán khoản vay với bà S vào ngày 30/11/2017 là không có căn cứ vì: Trong biên bản bàn giao kế toán trưởng ngày 20/4/2018 (BL 73-78) thành phần gồm bà Bùi Thị H kế toán trưởng bàn giao cho bà Phạm Thị Thu H có đại diện Công ty là ông Trương P - giám đốc có thể hiện bà Bùi Thị H kế toán trưởng bàn giao khoản tiền 290.974.983 đồng của Dương Thảo N cho Công ty. Tại các văn bản ghi ý kiến của bà Bùi Thị H (BL 81-82; 175-176) bà Hòa thừa nhận có bàn giao cho bị đơn khoản tiền này. Tại bảng kê tính lãi vay tạm tính (BL 292-293) thể hiện ngày 07/6/2016 Dương Thảo N có gửi vào 300 triệu lãi 0,6% như nguyên đơn trình bày đến tháng 11/2017 lãi và gốc là: 333.707.950 đồng phù hợp với phiếu chi (BL 124) bị đơn chi cho nguyên đơn số tiền 333.707.950 đồng và phù hợp với phiếu thu ngày 30/11/2017 và hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2017 (BL 283-284) thể hiện nguyên đơn trình bày là có căn cứ, bị đơn chỉ lập phiếu chi khoản tiền này để quyết toán nhưng thực tế không chi cho nguyên đơn mà lập luôn phiếu thu và hợp

đồng vay tiền mới, tại bảng kê này cũng thể hiện bị đơn đã chi trả cho nguyên đơn số tiền 50 triệu phù hợp với phiếu chi ngày 01/10/2018 (BL 123), ngoài ra tại bảng kê này cũng thể hiện đến tháng 3/2018 số dư khoản tiền của Dương Thảo N là: 290.974.983 phù hợp với số tiền bà Bùi Thị H kế toán trưởng bàn giao lại cho bị đơn theo biên bản bàn giao kế toán trưởng ngày 20/4/2018 (BL 73-78). Tại phiên tòa phúc thẩm ông A thừa nhận Công ty có vay tiền của một số cá nhân là người của Công ty để kinh doanh, khoản tiền vay của các cá nhân Công ty có ký hợp đồng vay tiền, hàng tháng và năm có quyết toán, khi nghỉ hưu ông có bàn giao lại cho Công ty được thể hiện trên các chứng từ kế toán. Từ các tài liệu chứng cứ nêu trên việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khoản tiền bị đơn vay là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm xem xét đến khoản tiền bị đơn vay là có căn cứ nhưng xác định sai tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ tham gia tố tụng những sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị S và ông Trần Khắc N. Những vi phạm này, Tòa án cấp phúc thẩm không thể sửa chữa, bổ sung được, cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Ý kiến của đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa về việc hủy bản án sơ thẩm đã phân tích ở trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy, hồ sơ vụ án được chuyển cho Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Về Án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Do đó, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho bị đơn theo biên lai số: 0001091 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

[6]. Một số vấn đề cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm:

Tại mục [1] phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, có tuyên:

“... Kể từ ngày 29/11/2024 Công ty TMDL DV TH ĐB tiếp tục phải trả cho cháu Dương Thảo N số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là 0,6%/tháng cho đến khi thi hành án xong...”

Tại hợp đồng vay tiền năm 2016, 2017 của nguyên đơn và bị đơn đều không có thỏa thuận về việc trả lãi trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng nên Tòa án chỉ áp dụng mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức lãi suất chậm thi hành án là 0,6%/tháng là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Công ty TMDL DV TH ĐB không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng cho bị đơn theo biên lai số: 0001091 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/4/2025).

Nơi nhận:

- TAND TP. Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS TP. Đ ;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thu Hương

